**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích).. | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | |
| Nhận biết | | Thông hiểu | Vận Dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích). | **Nhận biết:**  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua ngoại hình, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.  - Rút ra được thông điệp từ câu chuyện | 3 TN | | 5 TN | 2 TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích | **Nhận biết**:  - Xác định được kiểu bài: tự sự.  - xác định được ngôi kể trong văn bản.  - Xác định được nội dung: đóng vai nhân vật trong một truyện cổ tích và kể lại truyện ấy.  **Thông hiểu**:  Hiểu được các chi tiết trong truyện. Qua đó, đóng vai và thể hiện được đúng nội dung truyện.  Các chi tiết được kể phù hợp với ngôi kể.  **Vận dụng**:  Viết hoàn chỉnh bài văn tự sự; lời văn có mạch lạc, liên kết.  **Vận dụng cao**:  - Có sáng tạo trong cách diễn đạt, lời văn tả, kể phù hợp, sáng tạo, giàu hình ảnh, cảm xúc. | **1\*** | | **1** | **1\*** | 1 TL\* |
| Tổng | |  | | | 3 TN | 5 TN | 2 TL | 1 TL\* |
| *Tỉ lệ %* | |  | | | 20% | 40% | 30% | 10% |
| Tỉ lệ chung | |  | | | 60% | | 40% | |

**Đề 1**

1. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)Đọc đoạn trích sau sau:

SỰ TÍCH CÂY KHOAI LANG

*Ngày xưa, có hai bà cháu nghèo khổ, hằng ngày phải đi đào củ mài để ăn. Một hôm, cậu bé nói với bà:*

*- Bà ơi, cháu đã lớn. Cháu sẽ làm nương, trồng lúa để có gạo nấu cơm.*

*Từ đó, cậu bé chăm chỉ trồng cây trên nương.*

*Năm đó, gần đến ngày thu hoạch lúa thì chẳng may khu rừng bị cháy. Nương lúa thành tro. Cậu bé buồn quá, nước mắt trào ra. Bỗng, Bụt hiện lên, bảo:*

*- Ta cho con một điều ước, con ước gì?*

*- Dạ, con chỉ mong bà của con không bị đói khổ.*

*Bụt gật đầu và biến mất.*

*Hôm ấy, cậu bé đào được củ gì rất lạ.* *Củ bị lửa rừng hun nóng, có mùi thơm ngòn ngọt. Cậu bé nếm thử, thấy rất ngon, bèn đào thêm mấy củ nữa đem về cho bà. Bà tấm tắc khen ngon và thấy khoẻ hẳn ra. Cậu bé kể lại câu chuyện gặp Bụt cho bà nghe, bà nói:*

*- Vậy củ này chính là Bụt ban cho đấy. Cháu hãy vào rừng tìm thứ cây quý đó đem trồng khắp bìa rừng, bờ suối để người nghèo có cái ăn.*

*Cậu bé làm theo lời bà dặn. Chỉ mấy tháng sau, loài cây lạ mọc khắp nơi, rễ cây phình to ra thành củ có màu tím đỏ. Từ đó, nhà nhà hết đói khổ. Mọi người gọi cây đó là “khoai lang”. Đến bây giờ, khoai lang vẫn được nhiều người ưa thích.*

*( Trang 33. Tiếng Việt lớp 2 tập 2 –* Sách Kết nối tri thức*)*

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Truyện *Sự tích cây khoai lang* thuộc thể loại nào? (1)

A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại

C. Truyền thuyết D. Thần thoại

Câu 2. Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy? (2)

A.Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ ba

C. Ngôi thứ hai D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 3. Trong câu chuyện, hai bà cháu qua được cơn đói là nhờ vào lúa gạo do cậu bé trông được đúng hay sai? (1)

A. Đúng B. Sai

Câu 4. Trong truyện, vì sao ông Bụt lại xuất hiện và giúp đỡ em bé? (4)

A. Vì em vốn là đứa trẻ hiếu động

B. Vì em thành tâm cầu xin Bụt giúp đỡ

C. Vì em là một cậu bé hiếu thảo.

D. Vì em siêng năng.

Câu 5: Chi tiết bà dặn em bé lấy cây quý trồng khắp bìa rừng, bờ suối để người nghèo có cái ăn và em bé làm theo thể hiên được phẩm chất gì của hai bà cháu? (5)

A. Nhân ái. B. Yêu nước.

C. Bao dung D. Chăm chỉ.

Câu 6. Trong câu văn*“*Củ bị lửa rừng hun nóng, có mùi thơm ngòn ngọt”, từ láy *ngòn ngọt* có ý nghĩa là: (7)

A. hơi ngọt. B. rất ngọt

C. cực kì ngọt. D. ngọt đậm

Câu 7. “Ở bìa rừng, có hai bà cháu nghèo khổ sinh sống.”. Từ in đậm trong câu văn thuộc loại trạng ngữ nào? (7)

A. Trạng ngữ chỉ mục đích

B. Trạng ngữ chỉ nơi chốn

C. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân

D. Trạng ngữ chỉ thời gian

Câu 8. Chủ đề nào sau đây đúng với truyện *Sự tích cây khoai lang?* (6)

A. Ca ngợi ý nghĩa các loài cây.

B. Ca ngợi tình bà cháu.

C. Ca ngợi tình mẫu tử.

D. Ca ngợi tình chị em.

Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc câu chuyện trên. (8)

Câu 10. Qua câu chuyện, em thấy mình cần phải có trách nhiệm gì với người thân? (9)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Hãy kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của em.

**ĐỀ 1: Đáp án- Biểu điểm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.  - Lí giải được lí do nêu bài học ấy. | 1,0 |
|  | **10** | HS tự rút ra trách nhiệm về nhận thức và hành động của bản thân đối với ông bà, cha mẹ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của em.* | 0,25 |
|  | *c. Kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của em.*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể phù hợp.  **+ Mở bài:** Giới thiệu nhân vật kể chuyện và câu chuyện được kể.  **+ Thân bài**:Trình bày diễn biến của câu chuyện bằng cách bám sát truyện gốc.  **+ Kết bài:**Nêu kết thúc truyện và suy nghĩ của bản thân mình. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |